Cơ quan quản lý cấp trên: **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG THÁP** Mẫu số 04a-CK/TSC

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

Mã đơn vị: **1123983**

Loại hình đơn vị: **ĐVSNCL**

# CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHCN

## NĂM 2026

| Stt | Tên tài sản | Đơn vị tính | Số lượng | Nhãn hiệu | Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (đồng) | Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển | Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển | Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **I** | **Đầu tư xây dựng, mua sắm** | | | | | | | | |
| **1** | **Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp** | | | | | | | | |
| **2** | **Xe ô tô** | | | | | | | | |
| **3** | **Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)** | | | | | | | | |
| **4** | **Máy móc, thiết bị** | | | | | | | | |
| *4.1* | *Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh* | | | | | | | | |
| *4.2* | *Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung* | | | | | | | | |
| *4.3* | *Máy móc, thiết bị chuyên dùng* | | | | | | | | |
| 1 | Bộ thử nghiệm hình ngón ta y bao gồm: Đầu dò thử nghiệm 11 - IEC 61032, hình 7 01; Đầu dò thử nghiệm 13 - IEC 61032, hình 9 01; Đầu dò thử nghiệm 41 - IEC 61032, hình 11 01 | Bộ | 1 | Testing/ EU | 128.100.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 1.1 | Đầu dò thử nghiệm 11 - IEC 61032, hình 7 01 | | 1 | | | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.2 | Đầu dò thử nghiệm 13 - IEC 61032, hình 9 01 | | 1 | | | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 1.3 | Đầu dò thử nghiệm 41 - IEC 61032, hình 11 01 | | 1 | | | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 1.4 | Đầu dò thử nghiệm B 01 | | 1 | | | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 1.5 | Móng tay thử nghiệm 01 | | 1 | | | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 1.6 | Bộ chỉ thị 01 | | 1 | | | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 2 | Bộ thiết bị đo khoảng hở không khí và chiều dài đường rò Phụ kiện kèm theo: Hộp đựng Chứng nhận hiệu chuẩn | Bộ | 1 | ED&D/ Mỹ | 57.960.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 3 | Thiết bị đo dòng điện rò | Bộ | 1 | ED & D/ Mỹ | 54.200.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 4 | Thiết bị đo nhiệt độ chính xác cao Bao gồm : Trọn bộ trong vali gồm máy, đầu đo -200 đến 450°C loại 3mm x 300mm , cáp USB | Bộ | 1 | Dostmann Electronic Đức | 34.750.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 5 | Thiết bị thử nghiệm tính liên tục của nối đất | Bộ | 1 | | 64.670.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Lực kế. Phụ kiện kèm theo:<br>Bộ đầu thử và móc kéo: Ngón tay cứng, Ngón tay cùn, Đầu dò cứng, Đĩa tròn 30 mm, Móc thử kín, Đĩa 625 mm2 ; Các đầu thửxoắn và đo momen kèm theo gồm: Tay vặn thử xoắn: 150Nm, Tuốc nơ vít thử xoắn: 10Nm, Tấm nén đường kính 19mm, Móc, Que kéo dài 30 mm, Pin xạc, Chứng nhận hiệu chuẩn, Nắn dòng / Xạc pin, Valy. | Bộ | 1 | ED&D/ Mỹ | 65.860.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 7 | Đồng hồ vạn năng<br>Phụ kiện tiêu chuẩn: HDSD, Pin, Dây đo, kẹp cá sấu, Giá giữ đầu đo. | Bộ | 1 | Fluke/ Mỹ | 15.460.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 8 | Thiết bị phân tích công suất<br>Phụ kiện tiêu chuẩn:<br>• Hướng dẫn sử dụng, Dây nguồn, Bộ dây đo, Bộ kẹp cá sấu | Bộ | 1 | Voltech/ Anh quốc | 123.600.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 9 | Thiết bị đo tốc độ vòng quay hiện số<br>Trọn bộ gồm: Máy chính, đầu đo dạng chóp, đầu đo dạng đĩa, giấy phản quang, pin và hướng dẫn sử dụng trong hộp dựng | Bộ | 1 | Testo/ Đức | 14.700.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 10 | DATALOGGER nhiệt độ, độ ẩm môi trường. Trọn bộ cho sử dụng gồm: máy chính và phụ kiện tiêu chuẩn | Bộ | 1 | E+E/ Đức | 10.540.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Thiết bị đo vận tốc gió có đầu đo không dây<br>Phụ kiện tiêu chuẩn:<br>-Máy chính, Đầu đo gió □100, Chuẩn đo lưu lượng từ 30 đến 750m3/giờ | Bộ | 1 | Kimo/ Pháp | 51.750.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 12 | Thiết bị thử rơi cho bàn là<br>(Kiểm tra độ bền cơ học của bàn là theo quy định tại mục 21- TCVN 5699-2-3)<br>Bao gồm<br>• Buồng thử có cửa kính với khoá an toàn<br>• Một tấm thép dày ít nhất 15 mm, nặng ít nhất 15kg, lắp chắc chắn<br>• Một thiết bị nâng bàn là lên độ cao 40mm rồi thả cho rơi tự do | Bộ | 1 | Allianz/ Trung quốc | 112.540.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 13 | Thiết bị thử độ bền cho công tắc lò nướng điện (Kiểm tra độ bền của linh kiện theo quy định tại mục 24- TCVN 5699-2-9) | Bộ | 1 | Allianz/ Trung quốc | 106.260.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 14 | Giá đỡ mẫu điều chỉnh độ cao | Bộ | 1 | ED&D/ Mỹ | 64.720.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Bàn nghiêng,<br>• Bao gồm: Khung nhôm mạ, Tấm mang mẫu làm từ gỗ dán và có bản lề ở phần dưới khung, Thiết bị nâng tấm mang mẫu, với trục quay có rãnh để điều chỉnh góc nghiêng, Thiết bị đo góc nghiêng. Kích thước tấm mang mẫu: 1000 x 1000 mm | Bộ | 1 | Testing - EU | 152.460.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 16 | Bàn xoay | Bộ | 1 | ED&D/ Mỹ | 129.400.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 17 | Bộ máy vi tính và bàn chuyên dụng để thiết bị. | Bộ | 1 + 9 | HP S/x chính Hãng Việt Nam | 30.170.000 | Bàn giao | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 17.1 | - Máy tính : HP TouchSmart IQ508d KT435AA , Intel Core 2 Duo T5850 2x1.6GHz IntelCrestline, DDRII 4.0GB, HDD 500GB SATA, NVIDIA Geforce 9300M GS HD, DVDRW, Monitor LCD 22" Touch,D30 Card Reader 5.1, LAN 10/100/1000 – Bluetooth, Sound Surround 5.1, Webcam - Remote Control, Keyboard + mouse, OS Vista Home Premium 64Bit | | 1 | | | | Sở Khoa học và Công nghệ | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 17.2 | -Bàn chuyên dụng để thiết D31; Mã số MFO1200CS, khung sắt sơn tĩnh điện, mặt bàn gỗ công nghiệp sơn chống chầy xước, kích thước 1200x600x750 mm | | 9 | | | | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| **5** | **Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm** | | | | | | | | |
| **6** | **Tài sản cố định đặc thù** | | | | | | | | |
| **7** | **Tài sản cố định hữu hình khác** | | | | | | | | |
| **8** | **Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)** | | | | | | | | |
| **II** | **Tài sản giao mới** | | | | | | | | |
| **III** | **Tài sản đi thuê** | | | | | | | | |
| **IV** | **Tài sản nhận điều chuyển** | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

*Ngày 30 tháng 7 năm 2026*

| NGƯỜI LẬP BIỂU | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên và đóng dấu)* |
| Lê Thị Hồng Hạnh | Lương Thị Thảo Sương | Đặng Thị Hồng Yến |

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ